

Bản án số: 161/2022/HC-ST

Ngày: 28-10-2022

*V/v Khiếu kiện hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Xuân Vinh

2. Ông Võ Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HC ngày 08 tháng 6 năm 2022 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ 8, ấp C, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Phú H – Công ty Luật TNHH K.

Địa chỉ: Số 254, tầng 1, đường N, khu phố 5, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Địa chỉ: Số 04, đường 30/4, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Văn Đ, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P.

Địa chỉ: Số 49, đường T, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Trần Thị T, Luật sư Nguyễn Phú H và ông Huỳnh Quang H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Huỳnh Văn Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Trần Thị T trình bày:

Năm 1992, bà T cùng chồng là ông Nguyễn Văn H có khai khẩn diện tích đất 4.069,1m² tại ấp C, xã G, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang để trồng cây ăn trái và cất nhà ở.

Năm 1998, chính quyền địa phương và Ủy ban nhân dân thành phố P vận động gia đình bà T giao diện tích đất trên để Nhà nước xây dựng Trường Điểm M, thuộc Trường Tiểu học – Trung học cơ sở G. Thời điểm này ông Ngô Rạng Đ (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P) có hứa cấp giao cho gia đình bà T một nền tái định cư tại xã G và bà T chấp thuận giao đất cho Nhà nước xây dựng Trường. Trong thời gian chờ nền nhà gia đình bà T được ở tạm trong khuôn viên Trường.

Năm 2005, Ban giám hiệu nhà trường không cho gia đình bà T ở trong khuôn viên của Trường nữa nên vợ chồng bà T phải đi thuê nhà ở tạm.

Qua nhiều năm khiếu nại, ngày 06/10/2017, Ủy ban nhân dân thành phố P tổ chức cuộc họp xét đơn Khiếu nại của bà T.

Tại cuộc họp này, Ủy ban nhân dân thành phố P kết luận việc Nhà nước trưng dụng diện tích 4.069,1m² đất của bà Trần Thị T nhưng không bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Xác định việc khiếu nại là đúng

Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố P giao trách nhiệm cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G vận động bà T nhận nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Sau khi được Ủy ban nhân dân xã vận động bà T đồng ý nhận 01 nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 28/12/2020, Ủy ban nhân dân xã G ra Phiếu hướng dẫn bà T liên hệ Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố P để nhận nền tái định cư theo quy định.

Tuy nhiên, Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P không giải quyết cho bà T. Ngày 10/5/2021, bà T tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố P nhưng không nhận được văn bản trả lời.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định cấp cho bà 01 nền tái định cư theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Ủy ban nhân dân thành phố P đã nhận Thông báo thụ lý, có Văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng không có Văn bản trả lời đơn khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, người khởi kiện, người bị kiện đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Thẩm phán thụ lý đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 125 Luật tố tụng hành chính; Đối với người khởi kiện đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 55, Điều 56 của Luật tố tụng hành chính; Đối với người bị kiện từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử thì người bị kiện không có ý kiến cũng như tham gia đối thoại trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại Điều 57 Luật tố tụng hành chính. Mặc dù, người bị kiện không có ý kiến trình bày nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người khởi kiện, người bị kiện đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang có vận động gia đình bà T giao diện tích đất 4.069,1m² cho Nhà nước để xây dựng Trường học. Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố P là Chủ tịch Ủy ban nhân dân có hứa cấp cho gia đình bà T 01 nền tái định cư, nhưng từ năm 1998 đến nay Ủy ban nhân dân thành phố P không giải quyết việc cấp nền nhà cho bà T. Bà T đã nhiều lần khiếu nại nhưng chưa được giải quyết.

Căn cứ tài liệu do bà Trần Thị T cung cấp kèm theo đơn khởi kiện thì ngày 06/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã mở phiên họp giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai của công dân trong đó có nội dung xét đơn khiếu nại của bà Trần Thị T.

Tại phần kết luận đối với trường hợp của bà Trần Thị T đã nêu: “Việc sử dụng đất của gia đình bà Trần Thị T là có sử dụng từ năm 1991 đến năm 1998. Năm 1998 gia đình bà Trần Thị T đã chấp hành giao đất cho Nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường phổ thông cơ sở G. Việc Nhà nước trưng dụng diện tích 4.069,1m² đất của bà Trần Thị T nhưng không bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Do đó, việc khiếu nại của bà T là có cơ sở xem xét”.

Sau cuộc họp, Ủy ban nhân dân xã G đã tổ chức vận động bà T nhận nền tái định cư có thu tiền sử dụng đất, đồng thời liên tục có 02 báo cáo vào năm 2019 và năm 2020 đến Ủy ban nhân dân thành phố P đề nghị giải quyết cho bà T nhận nền tái định cư theo quy định nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P chưa ra Quyết định cấp nền cho bà T.

Việc chính quyền địa phương yêu cầu gia đình bà T giao đất cho Nhà nước để xây dựng Trường học là một hình thức thu hồi đất. Theo quy định của Luật đất đai thì khi thu hồi đất Ủy ban nhân dân cấp huyện phải ra Quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho bà T, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P tại thời điểm năm 1998 không ra Quyết định thu hồi đất và không ra Quyết định bồi thường hỗ trợ cho bà T là có thiếu sót.

Tại thời điểm hiện nay, sau khi xem xét đơn yêu cầu của bà T thì Ủy ban nhân dân thành phố P cũng đã đồng ý cấp cho bà T 01 nền tái định cư có thu tiền, nhưng không ra Quyết định giải quyết khiếu nại, ra Quyết định cấp nền tái định cư cho bà T là chưa tuân thủ đúng Điều 5 Luật khiếu nại và Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2013.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định cấp cho bà Trần Thị T 01 nền tái định cư theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Trần Thị T thuộc trường hợp miễn án phí.

Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 158, 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 5 Luật khiếu nại;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định cấp 01 nền tái định cư cho bà Trần Thị T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị T thuộc trường hợp miễn án phí.

Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp án phí 300.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu